

Bản án số: 181/2020/DS-ST  
Ngày 25-9-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

Bà Trương Thị Thu Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 205/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở: Số 18 Trần Hữu Dực, khu đô thị mới Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Út, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện C, theo giấy ủy quyền ngày 28/5/2018 (có mặt).

Địa chỉ: Quốc lộ 91, ấp Bình Hòa, TT CD, huyện C, tỉnh An Giang.

**- Bị đơn:**

+ Ông Ngô Văn H, sinh năm 1967 (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp Hưng Thạnh, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1971 (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Bình Thới, xã BP, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp Bình An, xã BP, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Út đại diện của nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:*

Vào ngày 02/02/2016, bà Nguyễn Thị Ng và ông Ngô Văn H có ký với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện C Hợp đồng tín dụng số 016/2016/HĐTD để vay số tiền 660.000.000 đồng. Hiện còn dư nợ 460.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn 0.75%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay mua bán phân bón.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên ông H, bà Ng, ông D và bà Đ đã thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp số 227/2014/HĐTC-TMT ngày 26/11/2014, phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 007/2017/PLHĐTC-HĐC ngày 17/01/2017, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 017/2014/HĐTC-TMT ngày 26/11/2014 có đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C, gồm:

- Đất thổ cư diện tích 405m<sup>2</sup> đất tọa lạc ấp Bình An, xã BP, huyện C, tỉnh An Giang do bà Nguyễn Thị Ng, ông Ngô Văn H cùng đứng tên.

- Nhà ở cấp 4a diện tích 166,5m<sup>2</sup> đất tọa lạc ấp Bình An, xã BP, huyện C, tỉnh An Giang do bà Nguyễn Thị Ng, ông Ngô Văn H cùng đứng tên.

- Đất lúa diện tích 10.025m<sup>2</sup> đất tọa lạc ấp Bình Thới, xã BP, huyện C, tỉnh An Giang do ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Đ cùng đứng tên.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị Ng, ông Ngô Văn H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả vốn và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tính đến ngày 25/9/2020, ông H, bà Ng còn nợ vốn 460.000.000 đồng, lãi trong hạn 153.065.000 đồng và lãi quá hạn 76.015.000 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 689.080.000 đồng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu bà Nguyễn Thị Ng, ông Ngô Văn H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền vốn, lãi là 689.080.000 đồng (lãi tính đến ngày 25/9/2020) và bà Ng, ông H phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 26/9/2020 cho đến khi bà Ng, ông H trả xong các khoản nợ.

Ngoài ra, Ngân hàng N còn yêu cầu trường hợp bà Ng, ông H không thanh toán được toàn bộ vốn, lãi thì yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 227/2014/HĐTC-TMT ngày 26/11/2014, Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử

dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 007/2017/PLHĐTC-HĐC ngày 17/01/2017, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 017/2014/HĐTC-TMT ngày 26/11/2014 để thu hồi toàn bộ vốn, lãi. Trường hợp bà Ng, ông H trả xong vốn, lãi thì Ngân hàng trả lại tài sản thế chấp cho bà Ng, ông H, ông D và bà Đ.

*Bị đơn ông Ngô Văn H trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của Ngân hàng về việc có ký hợp đồng tín dụng để vay số tiền 660.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng đã thanh toán được 200.000.000 đồng còn nợ 460.000.000 đồng và số tiền lãi như Ngân hàng trình bày. Thừa nhận có mang tài sản của vợ cH và mượn tài sản của ông D, bà Đ để thế chấp cho Ngân hàng. Nay mất khả năng trả nợ đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D, bà Đ trình bày:* Vợ cH ông thống nhất có ký hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ vay của ông H, bà Ng. Ông D, bà Đ cho rằng do chỗ quen biết, thân tình nên mới cho bà Ng, ông H mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền bổ sung vốn làm ăn, chứ thật sự ông bà không có bất kỳ lợi nhuận nào trong việc này. Đối với tài sản thế chấp là 10.025m<sup>2</sup> do làm ăn thua lỗ ông bà đã bán cho em vợ Nguyễn Văn M từ năm 2014 (có giấy tay), nhưng việc mua bán sang nhượng chưa sang tên do giấy tờ đang thế chấp trong Ngân hàng, ông Nguyễn Văn M nhiều lần yêu cầu vợ cH ông bà sang tên nhưng ông bà không thực hiện được. Nay yêu cầu Tòa án xử lý phát mãi tài sản của bà Ng, ông H trước, nếu không đủ thì không bán tiếp tài sản khác của ông H, bà Ng để thu hồi nợ vì ông H, bà Ng còn rất nhiều tài sản. Ông bà không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp của ông bà.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.*

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện là buộc bà Nguyễn Thị Ng, ông Ngô Văn H phải trả nợ, trường hợp không trả được nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, rút lại yêu cầu buộc ông D, bà Đ liên đới với bà Ng, ông H trả nợ. Ngân hàng đính chính lại tài sản thế chấp của bên thứ ba ông D, bà Đ có địa chỉ tại ấp Bình An, xã Bình Chánh; bị đơn ông H đồng ý trả nợ; người liên quan ông D, bà Đ thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp nhưng không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp của ông bà với lý do Ngân hàng ghi sai địa chỉ tài sản thế chấp thay vì đất ở ấp Bình An, lại ghi ấp Bình Thới nên hợp đồng thế chấp này vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Vụ án đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử, nhưng Chánh án không ban hành quyết định gia hạn thời gian chuẩn bị xét xử là vi phạm tố tụng, kiến nghị khắc phục. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn Ngân hàng, bị đơn ông H, người liên quan ông D, bà Đ chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và 71 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn bà Ng, người liên quan ông M vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Bà Ng, ông H có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay số tiền 660.000.000 đồng, đã thanh toán được 200.000.000 đồng, còn nợ lại 460.000.000 đồng. Giao dịch này đã được các đương sự xác nhận là có thật. Xét, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có công chứng, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự. Bà Ng, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng yêu cầu trả toàn bộ vốn, lãi và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà Ngân hàng với ông D, bà Đ ký kết đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, có công chứng, có đăng ký giao dịch đảm bảo, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao dịch, khi bà Ng, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị đình chỉ yêu cầu buộc ông D, bà Đ liên đới với ông H, bà Ng trả nợ cho ngân hàng.

Đề nghị đương sự chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hợp đồng tín dụng số 016/2016/HĐTD; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 227/2014/HĐTC-TMT ngày 26/11/2014, Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 007/2017/PLHĐTC-HĐC ngày 17/01/2017, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 017/2014/HĐTC-TMT ngày 26/11/2014; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; Giấy ủy quyền....

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn

huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thì diện tích đất 10.025m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng của ông D, bà Đ; ông bà đã chuyển nhượng bằng giấy tay cho ông Nguyễn Văn M. Tòa án đã đưa ông M vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và triệu tập ông M làm việc nhiều lần nhưng ông M vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án dành cho ông M quyền khởi kiện thành vụ kiện khác đối với ông D, bà Đ theo quy định pháp luật.

[1.3] Về áp dụng luật giải quyết tranh chấp: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với bà Ng, ông H vào năm 2016 - thời điểm Bộ luật Dân sự 2005 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đang có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, giao dịch dân sự của các bên đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự hiện hành (năm 2015) thì áp dụng luật hiện hành để giải quyết. Trong vụ án này giao dịch của các bên đảm bảo nội dung vay có lãi và hình thức bằng văn bản phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Ng, ông H có ký với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số: 016/2016/HĐTD để vay số tiền 660.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn là 0.75%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, hình thức trả vốn, lãi cuối kỳ, mục đích vay mua bán phân bón. Từ khi vay đến nay bà Ng, ông H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, nên Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu bà Ng, ông H phải trả toàn bộ số tiền vốn, lãi và tiếp tục trả lãi phát sinh trên vốn gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 26/9/2020 cho đến khi trả xong khoản nợ. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu được xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi vốn, lãi trong trường hợp bà Ng, ông H không trả được nợ.

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 016/2016/HĐTD ngày 02/02/2016, Hội đồng xét xử nhận định: bị đơn ông H thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng và vay số tiền như ngân hàng trình bày. Điều đó chứng minh được việc ký kết hợp đồng tín dụng để vay số tiền 660.000.000 đồng là thực tế xảy ra. Tính đến ngày 25/9/2020 trả được vốn gốc 200.000.000 đồng, còn nợ vốn, lãi là 689.080.000 đồng. Hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.



Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên Ngân hàng yêu cầu thanh toán vốn, lãi và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi trả xong toàn bộ vốn, lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại 280 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 227/2014/HĐTC-TMT ngày 26/11/2014, Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 007/2017/PLHĐTC-HĐC ngày 17/01/2017, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 017/2014/HĐTC-TMT ngày 26/11/2014, Hội đồng xét xử nhận định: Các Hợp đồng thế chấp và Phụ lục hợp đồng này được các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có công chứng và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 3 Điều 188 Luật đất đai 2013 và điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số: 83/2010/NĐ-CP, ngày 23/7/2010 của Chính Phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, Ngân hàng yêu cầu trường hợp bà Ng, ông H không trả được vốn, lãi thì được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lời trình bày của ông D, bà Đ tại phiên tòa cho rằng hợp đồng thế chấp của ông bà ghi sai địa chỉ diện tích đất thế chấp nên hợp đồng thế chấp này không có hiệu lực, cụ thể vị trí đất tọa lạc tại ấp Bình An, nhưng Ngân hàng là ghi vị trí đất là ấp Bình Thới. Xét, lời khai nại này Hội đồng xét xử nhận định như sau: Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng xác định tài sản thế chấp của bên thứ ba là diện tích đất nông nghiệp 10.025m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã BP, huyện C, tỉnh An Giang; việc ghi địa chỉ ấp Bình Thới thay vì ấp Bình An là do cán bộ tín dụng ghi nhầm địa chỉ của ông Nguyễn Văn D. Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 07/8/2019 Tòa án đã ghi rất rõ ràng địa chỉ đất thế chấp là ấp Bình An, xã BP, huyện C, tỉnh An Giang, đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01689 QSDĐ/FF, tờ bản đồ số 4, thửa số 104, 105, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 23/11/1995 cho ông Nguyễn Văn D. Ngoài ra, trên phần đất còn ghi nhận ông M là người nhận chuyển nhượng đất và đang canh tác trên đất. Từ những phân tích trên đã có đủ cơ sở kết luận đúng phần đất thế chấp. Do đó, yêu cầu của ông D, bà Đ không có cơ sở xem xét, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông bà.

[2.3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí thẩm định tại chỗ là 400.000 đồng. Do bà Ng, ông H vi phạm nghĩa vụ nên bà Ng, ông H phải chịu, Ngân hàng đã tạm ứng đủ, nên bà Ng, ông H phải hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng.

[3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Nguyễn Thị Ng, ông Ngô Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc thanh toán.

Với yêu cầu được chấp nhận Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Dành cho ông Nguyễn Văn M quyền khởi kiện thành vụ kiện khác đối với ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Đ.

2. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng N buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Đ cùng liên đới với bà Nguyễn Thị Ng, ông Ngô Văn H trả nợ cho Ngân hàng.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đối với bà Nguyễn Thị Ng, ông Ngô Văn H:

- Buộc bà Nguyễn Thị Ng, ông Ngô Văn H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi tính đến ngày 25/9/2020 là 689.080.000 đồng (trong đó: vốn 460.000.000 đồng, lãi trong hạn 153.065.000 đồng và lãi quá hạn 76.015.000 đồng).

- Bà Nguyễn Thị Ng, ông Ngô Văn H còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền gốc 460.000.000 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết kể từ ngày 26/9/2020 cho đến khi trả xong khoản nợ.

- Trường hợp bà Nguyễn Thị Ng, ông Ngô Văn H không thanh toán được vốn, lãi trong hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn, lãi. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 227/2014/HĐTC-TMT ngày 26/11/2014, Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 007/2017/PLHĐTC-HĐC ngày 17/01/2017, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 017/2014/HĐTC-TMT ngày 26/11/2014 được ký kết giữa Ngân hàng N với bà Nguyễn Thị Ng, ông Ngô Văn H; với ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Đ.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: bà Nguyễn Thị Ng, ông Ngô Văn H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng N 400.000 đồng.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ng, ông Ngô Văn H phải chịu 31.563.000 đồng (ba mươi một triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N được nhận lại 12.836.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0002300 ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị H Thi**



**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Giữ    Nguyễn Hoàng Tuấn**

**Lê Thị H Thi**

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

## THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Lê Thị H Thi**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**NAM**  
**HUYỆN C**  
TỈNH AN GIANG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*C, ngày 26 tháng 01 năm 2015*

### **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

\* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

\* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

\* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bán án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi